

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẨM MỸ

(Kèm theo Văn bản số: 2179/UBND-NC ngày 23 /4/2025 của UBND huyện)

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng		Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng		Tổng dân số	So với tiêu chuẩn			
1	X. Xuân Quế	Cẩm Mỹ	45,03	150,10%	92,91	309,70%	10.441	65,26%	21.189	132,43%	Xã Xuân Quế	UBND X. Sông Nhạn	Đạt
2	X. Sông Nhạn	Cẩm Mỹ	47,88	159,60%			10.748	67,18%					
1	X. Cẩm Đường	Long Thành	15,08	50,27%	82,11	273,70%	8.766	54,79%	26.565	166,03%	Xã Xuân Đường	UBND X. Thừa Đức	Đạt
2	X. Thừa Đức	Cẩm Mỹ	29,90	99,67%			10.322	64,51%					
3	X. Xuân Đường	Cẩm Mỹ	37,13	123,77%			7.477	46,73%					
1	X. Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	16,30	54,33%	113,14	377,13%	7.679	47,99%	45.728	285,80%	Xã Cẩm Mỹ	UBND H. Cẩm Mỹ	Đạt
2	TT. Long Giao	Cẩm Mỹ	33,78	112,60%			8.365	52,28%					
3	X. Bảo Bình	Cẩm Mỹ	35,65	118,83%			16.026	100,16%					
4	X. Xuân Mỹ	Cẩm Mỹ	27,41	91,37%			13.658	85,36%					
1	X. Lâm Sơn	Cẩm Mỹ	32,47	108,23%	65,60	218,67%	10.675	66,72%	31.346	195,91%	Xã Sông Ray	UBND X. Sông Ray	Đạt
2	X. Sông Ray	Cẩm Mỹ	33,13	110,43%			20.671	129,19%					
1	X. Xuân Tây	Cẩm Mỹ	52,99	176,63%	107,97	359,90%	23.371	146,07%	47.623,00	297,64%	Xã Xuân Đông	UBND X. Xuân Đông	Đạt
2	X. Xuân Đông	Cẩm Mỹ	49,48	164,93%			22.748	142,18%					
3	Tiếp nhận ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm	Xuân Lộc	5,50	18,33%			1.504	9,40%					
1	X. Xuân Bảo	Cẩm Mỹ	21,44	71,47%	52,29	174,30%	11.684	73,03%	36.870	230,44%	Xã Xuân Định	UBND X. Xuân Định	Đạt
2	X. Bảo Hòa	Xuân Lộc	17,81	59,37%			15.345	95,91%					
3	X. Xuân Định	Xuân Lộc	13,04	43,47%			9.841	61,51%					